

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 61 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/10/2019.

(V/v xin ly hôn).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

K, ngày 16 tháng 10 năm 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

****/ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/LHST – HNGĐ ngày 30/8/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký HKTT: thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Hiện trú tại: thôn G, xã S, huyện L, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt tại phiên tòa có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đỗ Quang A, sinh ngày 14/10/2013;

Người giám hộ cho cháu A là anh B – Bố đẻ của cháu A.

Đều có nơi đăng ký HKTT và trú tại: thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1957;

Trú tại: thôn G, xã S, huyện L, thành phố Hà Nội (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26/8/2019; Biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị V người ở xã S, huyện L, Thành phố Hà Nội trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã M, huyện K vào ngày 23/11/2012.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc bình thường nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V bị người khác rủ rê, lôi kéo tham gia vào hội cúng bái mê tín dị đoan, ham mê cúng bái, suốt ngày đi theo các thầy cúng bỏ bê không chăm sóc chồng con, không lo làm ăn. Anh B và gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo rất nhiều nhưng chị V không thay đổi, thậm chí chị V còn tuyên bố có thể bỏ chồng nhưng không thể bỏ việc cúng lễ được. Nghiêm trọng hơn nữa là chị V còn bắt anh B phải đi cúng lễ cùng chị V. Anh B và chị V vì không bảo ban nhau được nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Từ tháng 3/2018 cho đến nay, chị V sau khi bắt anh B đi theo thầy cúng để cúng lễ nhưng anh B không chịu nên chị V đã tự ý dọn ra ngoài sống riêng. Anh chị cũng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Thỉnh thoảng chị V có liên lạc với anh B qua điện thoại nhưng cũng chỉ đề hỏi han về con cái chứ vợ chồng không nói chuyện tình cảm với nhau. Chị V còn bảo anh B hãy làm đơn ly hôn đi vì chị V sẽ không về sống chung với anh B nữa. Anh B xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã rất nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, nên anh B làm đơn xin ly hôn để ổn định cuộc sống, xây dựng hạnh phúc mới và chị V cũng đã nhất trí ký vào đơn.

Về con chung: Anh B – chị V có 01 con chung là cháu Đỗ Quang A, sinh ngày 14/10/2013. Hiện nay cháu A đang ở với anh B. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của anh B là xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ Quang A cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh B không yêu cầu chị V phải đóng góp phí tổn nuôi con. Hiện nay anh B là lao động tự do, thu nhập bình quân là 8.000.000đ/ 1 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp, xây dựng đối với hai bên gia đình: Anh chị không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Khoái Châu đã nhiều lần triệu tập chị Hoàng Thị V đến trụ sở TAND huyện Khoái Châu để viết bản tự khai, trình bày quan điểm về việc anh B có đơn xin ly hôn chị V, tuy nhiên chị V dù đã biết được nội dung thông báo, giấy triệu tập của TAND huyện Khoái Châu nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không trình bày quan điểm của mình.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/9/2019 của người làm chứng bà Bùi Thị N (mẹ đẻ chị V) trình bày: Bà N thừa nhận hoàn cảnh và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng B – V sống ly thân như anh B trình bày là đúng. Ngoài ra, bà N còn trình bày anh B là người vũ phu, thường xuyên đánh chửi chị V, bố mẹ anh B và anh B còn không quan tâm, chia sẻ với chị V trong cuộc sống. Chính vì thế mà Chị V không thể tiếp tục chung sống được với anh B nên đã về nhà bà sống từ năm 2018 cho đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình chị V và anh B ly thân nhau thì gia đình bà cũng tích cực hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Chị V hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Tuy nhiên, chị V vẫn ở nhà bà nhưng sáng đi làm, tối muộn mới về, bà không biết chị V làm ở đâu. Tòa án nhiều lần gửi Thông báo và Giấy triệu tập cho chị V với nội dung Triệu tập, thông báo chị V đến trụ sở Tòa án huyện Khoái Châu viết bản tự khai, trình bày lời khai, quan điểm về việc anh B có đơn xin ly hôn chị V, bà đều là người nhận thay chị V và sau đó đều giao lại trực tiếp hoặc thông báo qua điện thoại cho chị V biết. Tuy nhiên, chị V có nói quan điểm là “Chị V cũng nhất trí ly hôn với anh B, nhưng chị V sẽ không lên Tòa án giải quyết. Chị V nhất trí giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh B yêu cầu chị đóng góp nuôi con chung thì chị V đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết”.

Tại biên bản xác minh ngày 16/9/2019 được Ban tư pháp xã M cung cấp: Anh B - chị V là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống anh B – chị V mâu thuẫn và chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ chị V sống ly thân với anh B từ năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Đỗ Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và xin được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con chung khôn lớn trưởng thành, không yêu cầu chị V đóng góp phí tổn nuôi con chung.

- Bị đơn chị Hoàng Thị V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng bà Bùi Thị N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục,

đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015). Bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn B; Giao cháu Đỗ Quang A, sinh ngày 14/10/2013 cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi); Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về tố tụng:* Anh Đỗ Văn B có đơn đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết ly hôn cho anh và chị V đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu.

Chị V đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng bà Bùi Thị N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B kết hôn với chị V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2012 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống

vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn do anh B và chị V không hợp nhau. Anh B thì cho rằng chị V ham mê cúng bái không chăm lo cho gia đình, còn người thân của chị V lại khai rằng anh B vũ phu thường xuyên đánh chửi chị V, ngoài ra bố mẹ anh B và anh B không quan tâm, chia sẻ với chị V khiến chị V không thể tiếp tục chung sống với anh B nên đã sống ly thân anh B từ tháng 3/2018 cho đến nay. Anh B xác định không còn tình cảm với chị V nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Theo xác minh tại Ban tư pháp xã M và người thân trong gia đình chị V thì thấy rằng: Mâu thuẫn giữa anh B- chị V là có thật, anh B- chị V sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa anh B và chị V đã được gia đình hai bên nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý vụ án ly hôn giữa anh B và chị V, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho chị V để chị V biết, đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu viết bản tự khai trình bày lời khai và tham gia phiên hòa giải... Bản thân chị V biết được việc anh B có đơn xin ly hôn chị tại TAND huyện Khoái Châu, biết được nội dung các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Thông báo và Giấy triệu tập của Tòa án điều đó chứng tỏ rằng chị V cố tình giấu địa chỉ.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh B và chị V có một con chung là cháu Đỗ Quang A, sinh ngày 14/10/2013, hiện đang ở với anh B. Anh B có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung trong khi chị V cố tình trốn tránh không trình bày lời khai, quan điểm của mình. Mặt khác, cháu A đang ở với anh B ổn định. Do vậy cần giao cháu A cho anh B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của anh B và bảo đảm điều kiện tốt nhất về tâm sinh lý cho con chung, đồng thời cũng là phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vì anh B không yêu cầu.

Sau khi ly hôn chị V có quyền thăm nom con chung của mình theo Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Do anh B không yêu cầu trong khi chị V không có mặt để trình bày quan điểm của mình. Nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này anh B, chị V có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh B đã nộp tại biên lai thu số 0001409 ngày 30/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh B đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 229 của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Văn B được ly hôn với chị Hoàng Thị V.

[3]. Về con chung: Giao cháu Đỗ Quang A, sinh ngày 14/10/2013 cho anh Đỗ Văn B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đỗ Quang A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị V có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh Đỗ Văn B, chị Hoàng Thị V có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Anh Đỗ Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh B

đã nộp tại biên lai thu số 0001409 ngày 30/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh B đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh B có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/10/2019). Báo cho bị đơn chị V vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- UBND xã S, L, HN;
- Chi cục THADS K/C;
- Lưu HSVÀ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hương